

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày: 04 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Hoàng Thanh Tâm

+ Bà Trần Thị Tố Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Xuân T, sinh năm 1994 tại QT; Hộ Khẩu thường trú: Tiểu khu 3, thị trấn AT, huyện TP, tỉnh QT; nơi cư trú: **Số 9, PTH, khu phố 3, phường XT, thành phố Long Khánh, Đồng Nai**; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông **Đỗ Xuân T**, sinh năm 1968 và bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1972; anh chị em ruột: **Gia đình có 04 anh, em; bị cáo là con lớn nhất trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm 2016. Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 01/02/2020 đến ngày 26/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.**

2. Nguyễn Văn N; sinh năm 1994 tại VP; nơi cư trú: **Xóm Đ, xã DP, huyện TD, tỉnh VP**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Con ông **Nguyễn Văn T**; sinh năm 1974 và bà **Phạm Thị T**; sinh năm 1976; anh chị em ruột: **Gia đình có 04 anh, em. Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm 2016. Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1994; Con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;**

Về nhân thân: Ngày 28/02/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh VP xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tại bản

án số 23/2014/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/11/2015. Bị bắt, tạm giam ngày 09/12/2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Long Khánh. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Bùi Văn L**, sinh năm 1992 tại Hà Nội; nơi cư trú: **Xóm 7, thôn 3, xã TT, huyện QO, thành phố Hà Nội**; nghề nghiệp: **Làm thuê**; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Con ông **Bùi Văn L**; sinh năm 1963 và bà **Nguyễn Thị L**; sinh năm 1964; anh chị em ruột: **Gia đình có 04 anh, em. Bị can là con lớn nhất trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm 2016; Bị cáo có vợ tên: Bùi Thị Kiều T; sinh năm 1995; Con: Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 28/11/2020 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Long Khánh; Ngày 05/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.**

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N*: Luật sư Nguyễn Văn H - thuộc Công ty Luật TNHH MTV TH thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1997. Địa chỉ: Xã KX, huyện VT, tỉnh VP.

2. Chị Lê Nguyễn Hải M, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐN, huyện MĐ, tỉnh QN.

3. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp BT, xã BT, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

4. Chị Lê Thị Thảo N, sinh năm 2002. Địa chỉ: Khu phố 6, phường XA, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 9, đường Phạm Thế H, khu phố 3, phường XA, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào Khoảng 15 giờ ngày 01/02/2020, Nguyễn Văn N, Bùi Văn L, cùng trú tại hẻm 100 đường Lê Hữu Trác, khu phố 2, phường Phú Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và Hoàng Văn V, sinh năm 1997, trú tại xã KX, huyện VT, tỉnh VP đến quán Tây Nguyên thuộc phường Xuân An, thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai để nhậu. Trong lúc ngồi nhậu nói chuyện với nhau thì N rủ L cùng hùn tiền mua ma túy để sử dụng và bàn bạc với L đến thuê phòng hát tại quán karaoke Phương Nam để N, L và V vừa hát vừa sử dụng ma túy. Do V không có tiền nên L đồng ý và đưa cho N số tiền 3.200.000 đồng hùn và đãi V. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì tất cả nghỉ không nhậu nữa, N thanh toán tiền nhậu hết 1.100.000 đồng và gọi taxi chở N, L và V đến quán karaoke

Phương Nam, ở số 09 PTH, khu phố 3, phường XT, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, N đến gặp Đỗ Xuân T (là nhân viên của quán) để lấy phòng hát thì T chỉ cho N phòng hát Vip không số nằm phía cuối dãy bên phải tầng trệt của quán Karaoke Phương Nam, để hát Karaoke. L và V vào phòng hát còn N đứng ở quầy tiếp tân gặp T, nhờ T gọi dùm 03 tiếp viên nữ đến để cùng hát với N, L, V và nhờ T mua ma túy cho N, T đồng ý. N đưa cho T số tiền 3.100.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng để T mua ma túy cho N và 100.000 đồng để trả tiền công cho T. Sau đó, T sử dụng điện thoại hiệu Iphone X, số thuê bao 0962.225.885 gọi điện cho các tiếp viên nữ gồm: Lê Nguyễn Hải M, Bùi Thị H và Lê Thị Thảo N đến phòng của N để cùng hát karaoke. Tiếp đó, T gọi điện cho một đối tượng tên Bưởi (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) và nói với Bưởi cầm ma túy qua cho khách với giá 3.000.000 đồng. Khoảng 15 phút sau, Bưởi mang ma túy để trong hộp bằng giấy mang đến quán đưa cho T. Thằng cầm số ma túy trên đến phòng N và những người khách đang hát thì gặp N đứng ngay cạnh phòng vệ sinh nên đã đưa ma túy cho N. Sau khi mua được ma túy từ T, N mang vào phòng để N, L, V, M, H và N cùng nhau sử dụng.

Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, Công an tỉnh Đồng Nai phối hợp với Công an thành phố Long Khánh kiểm tra hành chính phát hiện, bắt quả tang N, L, V cùng M, H và N đang sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát Vip không số nằm phía cuối dãy bên phải tầng trệt của quán Karaoke Phương Nam, đã lập biên bản phạm tội quả tang và niêm phong tang vật theo quy định.

Tang vật thu giữ:

- + 01 bịch nylon, bên trong chứa nhiều tinh thể màu trắng được để trên 01 đĩa hình chữ nhật màu trắng, kích thước 10cm x 15cm.

- + 02 thẻ sim (01 thẻ vietnamobile, 01 thẻ mobiphone) và 01 ống hút kích thước dài 15cm.

Tiếp đó, tiến hành kiểm tra tại quầy tiếp tân của quán Karaoke Phương Nam, chỗ T làm việc phát hiện thêm 03 bịch nylon bên trong chứa nhiều tinh thể màu trắng, vàng, hồng. Đây là số ma túy mà trước đó T mua từ đối tượng tên Bưởi nhằm mục đích để bán cho những người khác khi có nhu cầu; thu giữ 01 roi điện của T và 01 con dao theo T khai là của 01 người khách đến quán hát để lại và 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số sim 0962.225.885 của T.

- Tại bản kết luận giám định số 182/KLGD-PC09 ngày 10/02/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- + Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1, thu giữ trong phòng Karaoke) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1762 gam, loại: Ketamine;

- + Mẫu chất bột màu trắng (ký hiệu M21, thu giữ tại quầy tiếp tân) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3587 gam, loại: Ketamine;

+ Mẫu chất bột màu vàng (ký hiệu M22, thu giữ tại quầy tiếp tân) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0391 gam, loại: MDMA;

+ Mẫu chất bột màu hồng (ký hiệu M23, thu giữ tại quầy tiếp tân) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1329 gam, loại: MDMA (bút lục số 33).

Đối với các tang vật: 01 phong bì được niêm phong 182/KLGD-PC09; 02 thẻ sim (01 thẻ vietnamobile, 01 thẻ mobiphone); 01 ống hút kích thước dài 15cm; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số sim 0962.225.885; 01 con dao và 01 roi điện. Hiện đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS-LK ngày 26/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh đã truy tố của Đỗ Xuân T phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn N và Bùi Văn L đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Văn N và Bùi Văn L về tội danh, khung hình phạt và điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu đồng thời đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 54, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn L mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T mức án 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì được niêm phong số 182/KLGD-PC09; 02 thẻ sim (01 thẻ vietnamobile, 01 thẻ mobiphone); 01 ống hút kích thước dài 15cm; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số sim 0962.225.885; 01 con dao và 01 roi điện. Buộc bị cáo Thăng phải giao nộp 100.000 đồng thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

Ý kiến người bào chữa cho bị cáo N:

- Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 19 giờ 45 phút ngày 01/02/2020 kết thúc lúc 20 giờ 30 cùng ngày, thành phần gồm có: ông Vũ Trường Giang – Điều tra viên; ông Dương Xuân Liên – cán bộ điều tra và bị can Nguyễn Văn N. Tuy nhiên, ở phần cuối Biên bản có N, L và người lập Biên bản

là ông Liên ký tên. Một người không có tên trong Biên bản nhưng ký Biên bản tên Đỗ Hùng Nguyên. Mặt khác, khi bắt người phạm tội quả tang, trong phòng có 06 người (N, L, V và 03 nữ nhân viên phục vụ - 03 nam, 03 nữ), nhưng tại Biên bản chỉ thể hiện 02 người là N và L.

- Tại Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ vào lúc 21 giờ 10 phút ngày 01/02/2020 kết thúc lúc 21 giờ 25 cùng ngày, thành phần gồm có: ông Lê Minh Nhật –cán bộ điều tra; ông Vũ Trường Giang - Điều tra viên; ông Nguyễn Mạnh D – chủ cơ sở đại diện. Thì lúc này N và L – là những đương sự, nhưng không được chứng kiến.

- Tại Biên bản mở niêm phong và thử nhanh ma túy được thể hiện tại Bút lục số: 30 vào lúc 22 giờ 50 phút ngày 01/02/2020 kết thúc lúc 23 giờ 00 cùng ngày, thành phần gồm có: ông Vũ Trường Giang - Điều tra viên; ông Nguyễn Đình Dương – Kiểm sát viên; Nguyễn Văn N – đương sự; ông Nguyễn Mạnh D – người chứng kiến. Tại Biên bản không thể hiện rõ ràng nội dung mở niêm phong, hơn nữa việc khẳng định khi cho tinh thể màu trắng được thu giữ vào thuốc thử nhanh, thuốc thử chuyển từ màu vàng nhạt sang màu xanh dương chứng tỏ là ma túy tổng hợp. Đây không phải là kết luận giám định mà là kết quả thử nhanh ma túy.

- Tại Kết luận giám định số 182/KLGD-PC09 ngày 10/02/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai được thể hiện tại Bút lục số: 33 kết luận giám định thể hiện đối tượng giám định bao gồm: Ký hiệu M1 là Ketamine; M21 là Ketamine; M22 là MDMA; M23 là MDMA. Trong khi theo hồ sơ, thì Thăng đưa bạch ma túy và các đối tượng sử dụng là ma túy đá (Ketamine).

- Tại Phiếu trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy của Trạm y tế phường Xuân Thanh không ghi rõ ngày, tháng, năm; thông tin người (bác sỹ) xác định. Mặt khác, căn cứ vào đâu để xác định tình trạng nghiện ma túy trong khi không thể hiện có bất kể mẫu phẩm nào được chuyển sang. Không có Biên bản lấy mẫu nước tiểu và thu giữ nước tiểu. Hơn nữa, Trạm y tế thực hiện việc xét nghiệm theo quy trình nào để khẳng định tại phiếu trả lời là các đối tượng dương tính với ma túy. Mặt khác, Trạm y tế phường có chức năng để xác định tình trạng nghiện ma túy không. Tại Phiếu trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy không thể hiện đầy đủ thông tin, cụ thể quy trình, cũng như những thông tin đầy đủ về mẫu phẩm. Vì vậy, có thể khẳng định Phiếu trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy không phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên thấy rằng vi phạm hết sức nghiêm trọng của cơ quan Cảnh sát điều tra trong quá trình điều tra vụ án Nguyễn Văn N dẫn đến việc quy kết tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là không đủ cơ sở.

Do vậy, đề nghị HĐXX bác toàn bộ những chứng cứ quy kết bị cáo và đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” như kết luận điều tra của CQCSĐT và truy tố của Viện Kiểm sát, và trả tự do cho Bị cáo tại phiên tòa.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Xuân T, Bùi Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả, các bị cáo không có ý kiến gì.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn N, khi bắt đầu điều tra vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo nhưng sau đó bị cáo không khai báo. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

* Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói sau cùng: Các bị cáo thấy được hành vi của mình là sai, kính xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Do vụ án đã bị cấp phúc thẩm hủy để điều tra, truy tố và xét xử lại, nên vụ án xét xử lại thủ tục sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên Tòa người bào chữa cho bị cáo N cho rằng hồ sơ vi phạm thủ tục tố tụng như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang thì ông Vũ Trường Giang có tên phía trên nhưng không ký vào biên bản, còn ông Đỗ Hùng Nguyên không có tên ở phần trên thì có ký vào biên bản. Tại Biên bản làm việc ngày 27/12/2021; ngày 03/01/2022 ông Giang xác nhận là ông thực hiện nhiệm vụ trong vụ án với chức danh: Điều tra viên, do sơ xuất ông chưa ký vào biên bản này; ông Nguyên là Trưởng công an phường Xuân Thanh, là nơi xảy ra sự việc, ông xác nhận có chứng kiến và ký tên.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Xuân T và Bùi Văn L khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 01/02/2020, sau khi Nguyễn Văn N, Bùi Văn L và Hoàng Văn V cùng nhau nhậu tại quán Tây Nguyên thì N rủ L cùng hùn tiền để đến quán Karaoke Phương Nam, ở số 09 Phạm Thế Hiển, khu phố 3, phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh để hát Karaoke và mua ma túy sử dụng, L đồng ý. Do N đã trả tiền nhậu hết 1.100.000 đồng, V không có tiền nên L đưa cho N 3.200.000 đồng hùn mua ma túy và để đãi V. Tại quán Karaoke, N đưa 3.100.000 đồng cho T để nhờ mua 3.000.000 đồng ma túy, còn 100.000 đồng cho T, đồng thời nhờ T gọi thêm 03 tiếp viên nữ gồm: Lê Nguyễn Hải M, Bùi Thị H và Lê Thị Thảo N đến để cùng hát. Sau đó, T gọi điện cho đối tượng tên

Buổi (không rõ nhân thân, lai lịch) mang ma túy đến cho T, T đưa cho N. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, Công an tỉnh Đồng Nai phối hợp với Công an thành phố Long Khánh kiểm tra hành chính phát hiện, bắt quả tang N, L, V cùng M, H và N đang sử dụng trái phép chất ma túy, đã lập biên bản phạm tội quả tang và niêm phong tang vật theo quy định.

Ngoài ra, còn thu giữ tại quầy tiếp tân chỗ T làm việc 03 bịch nylon chứa nhiều tinh thể màu trắng, vàng, hồng của T. Tổng khối lượng chất các chất ma túy là 0,5349 gam, loại: Ketamine và 0,172 gam, loại MDMA.

MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục I, số thứ tự 22; Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, số thứ tự 35 Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Các bị cáo N, L đã tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, hành vi của các bị cáo bị xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo T đã mua ma túy và bán lại cho bị cáo N. Do vậy, hành vi của các bị cáo T bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo như trên là có cơ sở.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, ma túy còn là nguyên nhân của các tội phạm khác. Vì vậy, nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, nhằm tạo môi trường sống, học tập, lao động lành mạnh, không có tệ nạn xã hội. Bản thân các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. cụ thể:

Đối với hành vi của Nguyễn Văn N: Trong quá trình nhậu tại quán Tây Nguyên, N là người rủ L và V đi hát karaoke và sử dụng ma túy. Khi đến quán karaoke N là người nhờ T mua ma túy. Chính N là người nhờ T gọi điện cho 3 tiếp viên là Lê Nguyễn Hải M, Bùi Thị H và Lê Thị Thảo N đến quán Karaoke. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định Nam đã có hành vi sắp xếp, bố trí, cung cấp ma túy cho nhiều người để thực hiện việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, đã đủ căn cứ xác định N đã phạm vào tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với tình tiết định khung là Phạm tội đối với 02 người trở lên được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của Bùi Văn L: Sau khi được N rủ đi sử dụng ma túy. Bản thân L đã đưa cho Nam 3.200.000đ để hùn tiền sử dụng ma túy và mời V do V không có tiền hùn thể hiện là đóng góp luôn phần của V cho N. Vì 03 người nhậu tại quán Tây Nguyên, N là người trả tiền nhậu hết 1.100.000đ, số tiền N mua ma túy là 3.100.000đ. Do vậy, xác định L đã đồng phạm với N thực hiện hành vi phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử thấy rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo L là có cơ sở.

Đối với hành vi của Đỗ Xuân T: T là nhân viên quán karaoke, đã mua ma túy và bán lại cho N và cất trữ ma túy nhằm mục đích bán lại. Nên hành vi của T đã phạm vào khoản 1 **Điều 251 Bộ luật Hình sự**.

Căn cứ hành vi phạm tội của từng bị cáo, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, L có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự). Sau khi bị bắt, các bị cáo T, L đã thành khẩn khai báo toàn bộ tình tiết liên quan đến vụ án; đã ăn năn hối cải; riêng bị cáo N, khi vụ án điều tra về hành vi của bị cáo T, thì N đã thành khẩn khai báo. Tuy nhiên, vụ án bị cấp phúc thẩm hủy để điều tra, truy tố lại thì Nam đã không khai báo và im lặng. Nhưng tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo L: Sau khi vụ án bị cấp phúc thẩm hủy để điều tra, truy tố và xét xử lại thì bị cáo N không khai báo và giữ quyền im lặng. Chính bị cáo L đã thành khẩn khai báo toàn bộ tình tiết, hành vi phạm tội mà bị cáo N và Lượng là đồng phạm cùng thực hiện. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết áp dụng tình tiết “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án” đối với bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, gia đình bị cáo có công với đất nước nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình Sự.

Xem xét vai trò của bị cáo L trong vụ án này nhận thấy: Sau khi được N rủ hùn tiền để đi sử dụng ma túy, L đã đồng ý và đưa cho N 3.200.000 đồng (theo bị cáo thì đây là toàn bộ số tiền bị cáo mang theo) để hùn với N và đái V. Còn việc mua ma túy và gọi 3 cô gái đến sử dụng ma túy chung là do bị cáo N thực hiện. Do vậy, hành vi của L là người giúp sức trong vụ án có đồng phạm nhưng vai trò không đáng kể, bị cáo phạm tội lần đầu. Do vậy, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo dưới khung hình phạt là phù hợp.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo mức án phù hợp, cách ly các bị cáo một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, chấm dứt và đoạn tuyệt hành vi tổ chức sử dụng trái phép ma túy và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo để sung quỹ Nhà nước theo khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi sử dụng ma túy của Hoàng Văn V, Lê Nguyễn Hải M, Bùi Thị H và Lê Thị Thảo N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với đối tượng tên Bưởi, người đã bán ma túy cho Thăng để giao cho Nam, Do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Mạnh D là chủ quán Karaoke Phương Nam, lúc xảy ra sự việc ông D không có mặt tại quán mà giao lại cho Đỗ Xuân T quản lý nhưng ông D đã để xảy ra việc mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy tại cơ sở kinh doanh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh chuyển hồ sơ đến đội quản lý hành chính để xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[5]. Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 01 phong bì được niêm phong 182/KLGD-PC09 ngày 10/02/2020 là chất cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 02 thẻ sim (01 thẻ vietnamobile, 01 thẻ mobiphone); 01 ống hút kích thước dài 15cm; 01 con dao và 01 roi điện là công cụ, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số sim 0962.225.885 cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 100.000 đồng bị cáo Thăng thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N: Không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận, bởi lẽ:

Hồ sơ ban đầu khởi tố vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với bị cáo Đỗ Xuân T. Vụ án này bị cấp phúc thẩm hủy để điều tra, truy tố và xét xử thêm đối với hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo N và L. Do vậy, quy trình điều tra vụ án đã đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại một số biên bản trong hồ có thiếu sót, sau khi trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Cơ quan điều tra đã bổ sung. Việc thử nhanh ma túy ngay sau khi thu giữ vật chứng là cần thiết. Sau đó vật chứng đã được trưng cầu giám định theo quy định.

Tại biên bản làm việc (bút lục số 543, 544) ông Vũ Trường Giang và ông Đỗ Hùng Nguyên xác định có chứng kiến và tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng chống tội phạm tại quán Karaoke Phương Nam vào ngày 01/02/2020. Tuy nhiên, do sơ xuất nên các ông không ký tên vào các biên bản hay có ký tên nhưng không ghi đầy đủ thông tin cá nhân. Đây là thiếu sót của cán bộ thực hiện nhiệm vụ điều tra vụ án, không làm ảnh hưởng đến sự thật khách quan của vụ án.

Tại kết luận giám định số 182/KLGD-PC09 ngày 10/02/2020 của phòng kỹ thuật Hình sự- Công an tỉnh Đồng Nai đã xác định đối tượng giám định trong đó có M1 là Kentamine. Điều này phù hợp với lời khai của bị cáo T là đưa bạch ma túy đá cho các đối tượng sử dụng là Kentamine.

Hồ sơ đã thu thập đầy đủ bản chính của phiếu trả lời kết quả xác định tình trạng nghiệm ma túy của các bị cáo và các đối tượng khác trong vụ án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn N và Bùi Văn L phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Đỗ Xuân T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/12/2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 38, 54, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 28/11/2020 đến ngày 05/7/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Xuân T 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 01/02/2020 đến ngày 26/01/2022.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong 182/KLGD-PC09 ngày 10/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;

Tịch thu tiêu hủy 02 thẻ sim (01 thẻ vietnamobile, 01 thẻ mobiphone); 01 ống hút kích thước dài 15cm; 01 con dao và 01 roi điện;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số sim 0962.225.88.

Bị cáo Đỗ Xuân Thăng phải giao nộp 100.000 đồng thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước

(Vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/5/2020).

*** Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;**

Buộc các bị cáo N, T, L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- CA TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Nhà tạm giữ CA TP. Long Khánh;
- Bị cáo;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Trang

